

Số: /QĐ-BGDDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 đối với nguồn kinh phí viện trợ cho Chính phủ Lào, Campuchia của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 33/TB-BTC ngày 13/01/2026 của Bộ Tài chính về thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 đối với nguồn kinh phí viện trợ cho Chính phủ Lào, Campuchia của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo các phụ lục, phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Quyền Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo (công khai số liệu quyết toán của đơn vị theo quy định);
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Quân

THUYẾT MINH
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 ĐỐI VỚI NGUỒN
KINH PHÍ VIỆN TRỢ CHO CHÍNH PHỦ LÀO, CAMPUCHIA
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số ~~148~~ /QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm (Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017);

Căn cứ Thông báo số 33/TB-BTC ngày 13/01/2026 của Bộ Tài chính về thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024;

Bộ Giáo dục và Đào tạo công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 như sau:

1. Số liệu quyết toán

1.1. Số liệu nguồn vốn chi viện trợ cho Chính phủ Lào, Campuchia (chưa bao gồm số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	8.788.000	đồng;
- Dự toán được giao trong năm:	157.905.000.000 ¹	đồng;
+ Dự toán giao đầu năm:	141.076.000.000	đồng;
+ Dự toán bổ sung trong năm:	16.829.000.000	đồng;
- Kinh phí đã thực hiện và đề nghị quyết toán:	132.255.460.444	đồng;
- Kinh phí giảm trong năm:	25.442.794.132	đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:	215.533.424	đồng;
+ Kinh phí đã nhận:	0	đồng;
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc:	215.533.424	đồng;

1.2. Số liệu nguồn vốn chi viện trợ cho Chính phủ Lào, Campuchia của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chuyển sang Bộ GDĐT:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0	đồng;
---	---	-------

¹ Số dự toán đã phân bổ chi tiết: 149.560.400.000 đồng; Số dự toán chưa phân bổ: 8.344.600.000 đồng.

- Dự toán được giao trong năm:	2.000.000.000	đồng;
+ Dự toán giao đầu năm:	2.000.000.000	đồng;
+ Dự toán bổ sung trong năm:	0	đồng;
- Kinh phí đã thực hiện và đề nghị quyết toán:	1.032.244.900	đồng;
- Kinh phí giảm trong năm:	967.755.100	đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:	0	đồng;
+ Kinh phí đã nhận:	0	đồng;
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc:	0	đồng;

2. Thuyết minh số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước nguồn vốn chi viện trợ cho Chính phủ Lào, Campuchia

2.1. Số liệu nguồn vốn chi viện trợ chưa bao gồm số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Kinh phí giảm trong năm: 25.442.794.132 đồng, bao gồm:

- Dự toán hủy tại KBNN: 25.082.607.920 đồng;

- Kinh phí thu hồi nộp Ngân sách nhà nước: 360.186.212 đồng.

b) Kinh phí được phép chuyển năm sau sử dụng và quyết toán: 215.533.424 đồng, trong đó:

- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ còn dư ở Kho bạc: 215.533.424 đồng;

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ: 0 đồng.

2.2. Số liệu nguồn vốn chi viện trợ cho Chính phủ Lào, Campuchia của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chuyển sang Bộ GDĐT

Kinh phí giảm trong năm: 967.755.100, bao gồm:

- Dự toán hủy tại KBNN: 967.755.100 đồng;

- Kinh phí thu hồi nộp Ngân sách nhà nước: 0 đồng.

Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 đối với nguồn kinh phí viện trợ cho Chính phủ Lào, Campuchia của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo Quyết định số ~~748~~ /QĐ-BGDĐT ngày ~~31~~ / 3 /2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Chênh lệch
	QUYẾT TOÁN CHI NSNN			-
I	NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	133.287.705.344	133.287.705.344	-
	Kinh phí thường xuyên	-	-	-
	Kinh phí không thường xuyên	133.287.705.344	133.287.705.344	-
1	Chi viện trợ (loại 400 - khoản 402)	133.287.705.344	133.287.705.344	-
	Kinh phí thường xuyên	-	-	-
	Kinh phí không thường xuyên	133.287.705.344	133.287.705.344	-

STT	Nội dung	Trường Đại học Hà Nội	Trường Đại học Ngoại thương	Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế TP. HCM
	QUYẾT TOÁN CHI NSNN				
I	NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	2.443.960.000	2.538.021.360	13.872.613.890	988.900.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>2.443.960.000</i>	<i>2.538.021.360</i>	<i>13.872.613.890</i>	<i>988.900.000</i>
1	Chi viện trợ (loại 400 - khoản 402)	2.443.960.000	2.538.021.360	13.872.613.890	988.900.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>2.443.960.000</i>	<i>2.538.021.360</i>	<i>13.872.613.890</i>	<i>988.900.000</i>

STT	Nội dung	Đại học Bách khoa Hà Nội	Trường Đại học Xây dựng	Trường Đại học Giao thông vận tải	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
	QUYẾT TOÁN CHI NSNN				
I	NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	14.448.864.800	11.317.372.867	2.805.750.000	2.457.510.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>14.448.864.800</i>	<i>11.317.372.867</i>	<i>2.805.750.000</i>	<i>2.457.510.000</i>
1	Chi viện trợ (loại 400 - khoản 402)	14.448.864.800	11.317.372.867	2.805.750.000	2.457.510.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>14.448.864.800</i>	<i>11.317.372.867</i>	<i>2.805.750.000</i>	<i>2.457.510.000</i>

STT	Nội dung	Đại học Huế	Đại học Đà Nẵng	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Trường ĐH Thương Mại
	QUYẾT TOÁN CHI NSNN				
I	NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	2.410.930.000	2.462.723.697	3.872.992.000	872.475.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>2.410.930.000</i>	<i>2.462.723.697</i>	<i>3.872.992.000</i>	<i>872.475.000</i>
1	Chi viện trợ (loại 400 - khoản 402)	2.410.930.000	2.462.723.697	3.872.992.000	872.475.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>2.410.930.000</i>	<i>2.462.723.697</i>	<i>3.872.992.000</i>	<i>872.475.000</i>

STT	Nội dung	Học Viện Quản lý giáo dục	Trường Hữu nghị 80	Trường Hữu nghị T78	Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
	QUYẾT TOÁN CHI NSNN				
I	NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	1.746.200.000	23.497.975.603	14.705.860.000	895.310.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>1.746.200.000</i>	<i>23.497.975.603</i>	<i>14.705.860.000</i>	<i>895.310.000</i>
1	Chi viện trợ (loại 400 - khoản 402)	1.746.200.000	23.497.975.603	14.705.860.000	895.310.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>1.746.200.000</i>	<i>23.497.975.603</i>	<i>14.705.860.000</i>	<i>895.310.000</i>

STT	Nội dung	Đại học Thái Nguyên	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM	Trường Đại học SP TDTT Hà Nội
	QUYẾT TOÁN CHI NSNN				
I	NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	24.823.020.900	61.700.000	367.580.000	1.366.172.802
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	24.823.020.900	61.700.000	367.580.000	1.366.172.802
1	Chi viện trợ (loại 400 - khoản 402)	24.823.020.900	61.700.000	367.580.000	1.366.172.802
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	24.823.020.900	61.700.000	367.580.000	1.366.172.802

STT	Nội dung	Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp	Trường Đại học Vinh	Trường Đại học Kiên Giang	Trường Đại học Nha Trang
	QUYẾT TOÁN CHI NSNN				
I	NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	309.632.500	64.913.357	72.690.000	283.500.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>309.632.500</i>	<i>64.913.357</i>	<i>72.690.000</i>	<i>283.500.000</i>
1	Chi viện trợ (loại 400 - khoản 402)	309.632.500	64.913.357	72.690.000	283.500.000
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>309.632.500</i>	<i>64.913.357</i>	<i>72.690.000</i>	<i>283.500.000</i>

STT	Nội dung	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	Trường Đại học Mở TP. HCM	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Cục Hợp tác quốc tế	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Trường Đại học SPKT Hưng Yên)
	QUYẾT TOÁN CHI NSNN					
I	NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	442.680.000	32.400.000	271.502.000	2.822.209.668	1.032.244.900
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	442.680.000	32.400.000	271.502.000	2.822.209.668	1.032.244.900
1	Chi viện trợ (loại 400 - khoản 402)	442.680.000	32.400.000	271.502.000	2.822.209.668	1.032.244.900
	<i>Kinh phí thường xuyên</i>	-	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	442.680.000	32.400.000	271.502.000	2.822.209.668	1.032.244.900